

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

MÃ NGÀNH: 8340201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-NTT ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. Tên ngành đào tạo: Tài chính Ngân hàng

- Tên tiếng Việt: Tài chính Ngân hàng
- Tên tiếng Anh: Finance and Banking

2. Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

3. Khóa học áp dụng: 2020

4. Thời gian đào tạo: 24 tháng

5. Tên văn bằng tốt nghiệp: Master of Banking and Finance

6. Tên đơn vị cấp bằng: Trường ĐH Nguyễn Tất Thành

7. Đơn vị đào tạo

+ Khoa Tài chính Kế toán

+ Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ văn phòng: Phòng L.101, Lầu 1, 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 (Nội bộ: 412)

8. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo:

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Theo thông tư 15/2014/ TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục về ban hành quy chế đào tạo Thạc sĩ. Người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng phải có các điều kiện sau đây:

Về văn bằng:

Những đối tượng tuyển sinh gồm có: Ngành đúng, còn ngành phù hợp và ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học

Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Tài chính Kế toán xác định và đề xuất.

Về thâm niên công tác:

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên, không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự thi ngay.
- Những người có Bằng tốt nghiệp đại học dưới loại Khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 02 năm công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

Các điều kiện khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo thông tư số 15/ 2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/05/2014 về Quy chế đào tạo thạc sĩ.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với chuyên ngành

- Nhóm 1: Ngành đúng, ngành phù hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Tài chính Ngân hàng, Tài chính Doanh nghiệp, Tài chính, Ngân hàng.
- Nhóm 2: Ngành gần, có bằng tốt nghiệp đại học ngành: chuyên ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế phát triển, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành marketing, chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành kiểm toán, chuyên ngành Luật kinh tế, chuyên ngành kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, quản trị nhân lực,
- Nhóm 3: Ngành khác, có bằng tốt nghiệp ngành không thuộc hai nhóm ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần ở trên.

Nhà trường sẽ căn cứ vào các học phần trong bảng điểm của người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành kinh tế đã nêu trên để đề xuất với nhà trường yêu cầu người học đó bổ sung các môn học cần thiết khác.

9. Thông tin về các chứng nhận kiểm định (ghi thông tin về các cấp độ Trường đã tham gia kiểm định, thành tích, thời gian được công nhận và tên các tổ chức cấp chứng nhận):

10. Các năng lực của học viên tốt nghiệp

- GA1: Đánh giá chính sách tiền tệ
- GA2: Cải tiến hoạt động huy động vốn và tín dụng
- GA3: Thẩm định tài chính và đầu tư

- GA4: Quản trị tài chính, tài sản, nguồn vốn và hiệu quả hoạt động ngân hàng
- GA5: Tuân thủ quy định
- GA6: Phát triển nghề nghiệp

11. Mục tiêu đào tạo

-PEO1: Thành công trong việc hoạch định chiến lược, phát triển các tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp.

-PEO2: Học tập để liên tục mở rộng kiến thức, sáng tạo, đáp ứng sự đổi mới của ngành Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam và thế giới.

-PEO3: Quản lý và phát triển các loại hình kinh doanh và dịch vụ của ngành Tài chính Ngân hàng một cách thành công, đáp ứng các yêu cầu của tổ chức, khách hàng và đối tác trong và ngoài nước bằng tính chuyên nghiệp, trung thực và năng động.

12. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viên tốt nghiệp (HVTN) ngành Tài chính Ngân hàng có:

Kiến thức:

ELO1 (K1): Áp dụng kiến thức Toán, khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực tài chính ngân hàng.

ELO2 (K2): Đánh giá khả năng tài chính, hiệu quả đầu tư, lợi ích chi phí của các bên liên quan phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư.

ELO3 (K3): Phát triển (formulate) các giải pháp tài chính phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa.

Kỹ năng:

ELO4 (S1): Giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo.

ELO5 (S2): Quản lý hiệu quả các mối quan hệ trong nhóm, trong vai trò là một thành viên hay một nhà lãnh đạo để giải quyết các vấn đề nhằm đạt mục tiêu đề ra.

ELO6 (S3): Phát triển kỹ năng đàm phán, tự chủ và thích ứng với sự thay đổi.

ELO7 (S4): Quản lý thông tin dữ liệu của ngành tài chính ngân hàng bằng công nghệ hiện đại, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế số và toàn cầu hoá.

ELO8 (S5): Thực hiện độc lập các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng, trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.

Thái độ:

ELO9 (A1): Tuân thủ pháp luật và các qui định về tài chính, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

ELO10 (A2): Xây dựng thương hiệu bản thân, đồng thời thể hiện sự khát khao khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

13. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của học viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

13.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của học viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của HVTN (GAs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)			Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	PEO1	PEO2	PEO3	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10
GA1			✓	✓		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA2	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA3	✓		✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓
GA4	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓
GA5			✓	✓	✓	✓				✓	✓	✓	
GA6	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓					✓

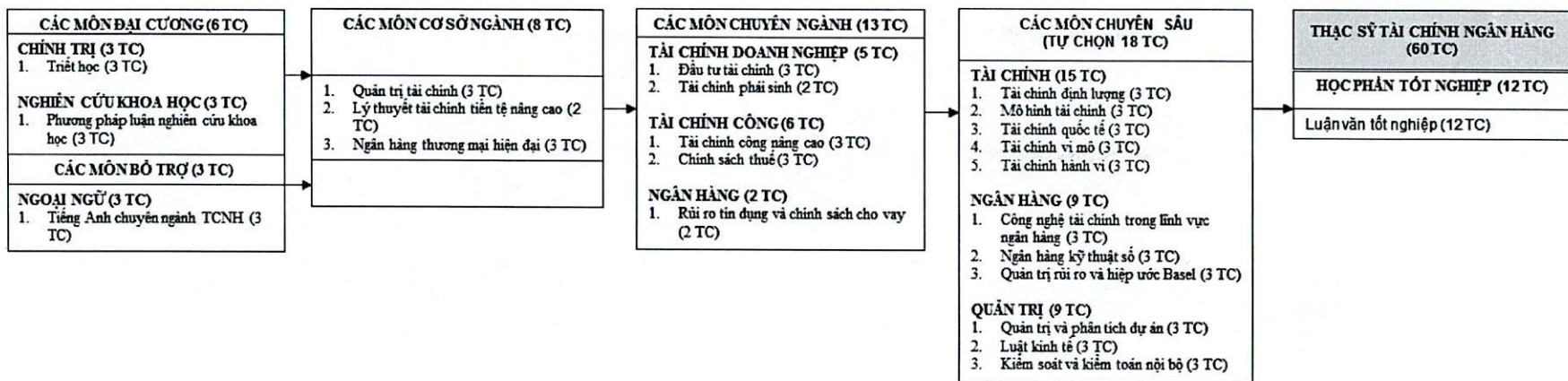
13.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10
PEO1	✓	✓	✓	✓		✓			✓	
PEO2	✓	✓	✓	✓			✓	✓		✓
PEO3		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓

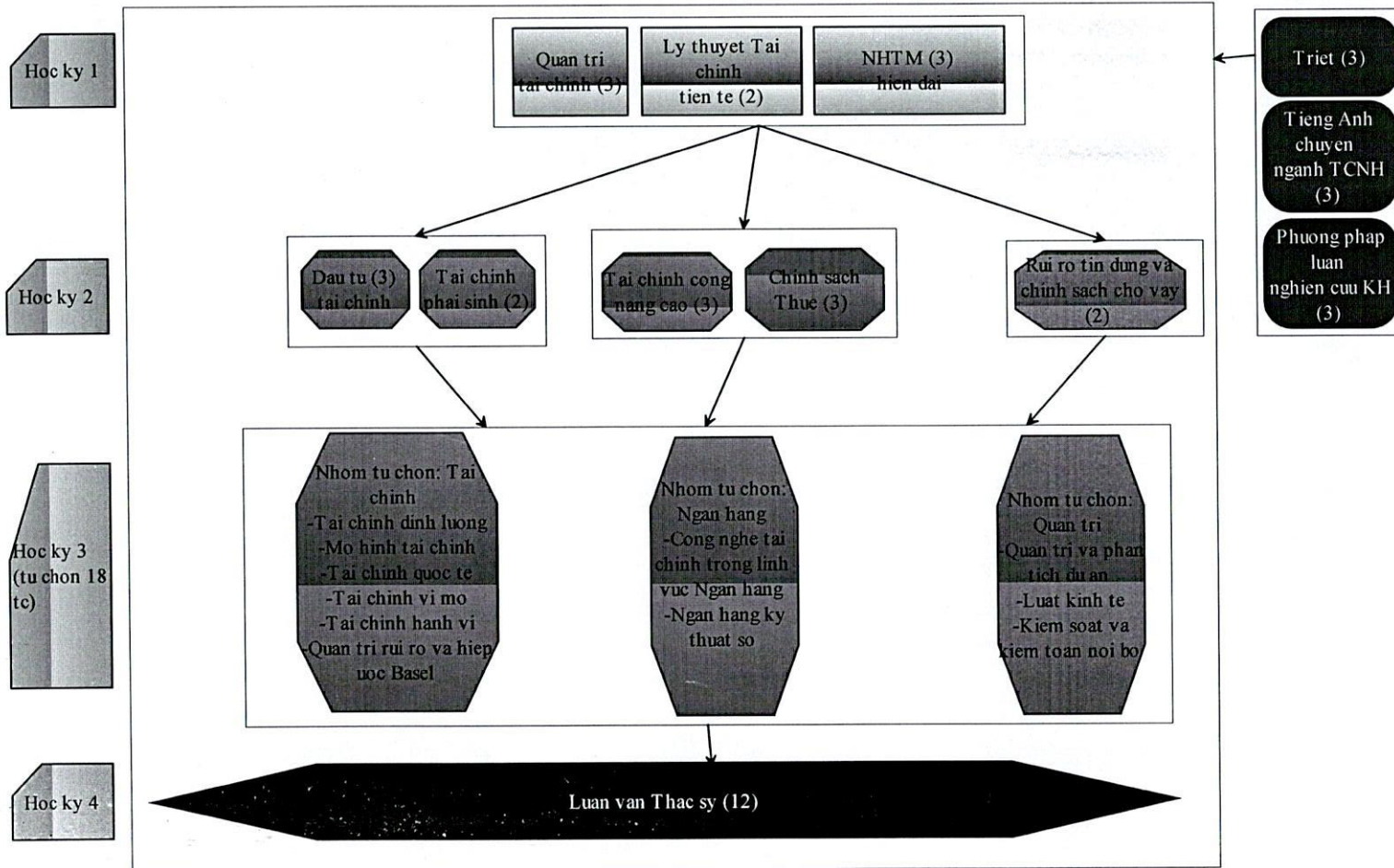
13.3 Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực học viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
Đánh giá chính sách tiền tệ	Tài chính công nâng cao (3 TC)	3 môn	8 tín chỉ	13.3%
	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao (2 TC)			
	Chính sách thuế (3 TC)			
Cải tiến hoạt động huy động vốn và tín dụng	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (2 TC)	3 môn	8 tín chỉ	13.3%
	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel (3 TC)			
	Ngân hàng thương mại hiện đại (3 TC)			
Thẩm định tài chính và đầu tư	Mô hình tài chính (3 TC)	5 môn	14 tín chỉ	23.3%
	Quản trị và phân tích dự án (3 TC)			
	Đầu tư tài chính (3 TC)			
	Tài chính phái sinh (2TC)			
	Tài chính định lượng (3 TC)			
Quản trị tài chính, tài sản, nguồn vốn và hiệu quả hoạt động ngân hàng	Quản trị tài chính (3 TC)	7 môn	19 tín chỉ	31.7%
	Tài chính quốc tế (3 TC)			
	Tài chính vi mô (3 TC)			
	Tài chính hành vi (3 TC)			
	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (3 TC)			
	Ngân hàng kỹ thuật số (3 TC)			
	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (3 TC)			
Tuân thủ quy định	Luật kinh tế (3 TC)	1 môn	3 tín chỉ	5%
Phát triển nghề nghiệp	Luận văn thạc sĩ (12 TC)	1 môn	12 tín chỉ	20%

15. Cấu trúc chương trình đào tạo



14. Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo



15. Đối sánh KQHTMĐ của ngành đào tạo

12.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

TT	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành TCNH của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành TCNH của Trường ĐH Monash	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành TCNH của Trường ĐH Victoria	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành TCNH của Trường ĐH Kinh Tế	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành TCNH của Trường ĐH Kinh Tế Hà Nội	Nhận xét
1	Áp dụng kiến thức Toán, khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực tài chính ngân hàng.	demonstrate a mastery of banking and finance and be able to apply theoretical and practical knowledge and skills in banks and business enterprises.	Exemplify initiative and leadership in a dynamic 21st century work environment, acting consistently, ethically and socially responsibly.	Am hiểu và có khả năng vận dụng thông thạo kiến thức trong các lĩnh vực khác nhau của tài chính như tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính, tài chính hành vi, định giá doanh nghiệp, quản lý danh mục đầu tư, M&A;	Kiến thức tổng hợp về tài chính – ngân hàng nhằm đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ học tập	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích
2	Phân tích tài chính, hiệu quả đầu tư, lợi ích chi phí của các bên liên quan.		Critically reflect upon theoretical approaches and analyse their application to achieve effective	Phân tích phản biện và sáng tạo nhằm đưa ra được những giải pháp toàn diện đối với các vấn đề liên	Phát hiện và phân tích các vấn đề về thuế, chi tiêu chính phủ và hoạch định ngân sách nhà nước	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích

			management strategies.	quan đến lĩnh vực ngân hàng - tài chính.		
3	Đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp dựa trên việc phân tích tài chính hành vi, các nghiệp vụ ngân hàng gắn kết với chính sách tài chính tiền tệ, chính sách tài khóa của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá.	be critical and creative scholars who: produce innovative solutions to problems have a comprehensive understanding of their discipline and be able to provide discipline-based solutions relevant to the business, professional and public policy communities we serve	Work as a reflective practitioner to formulate, implement and evaluate industry-specific investigations to resolve complex professional problems and inform management decision making.	Phân tích phản biện và sáng tạo nhằm đưa ra được những giải pháp toàn diện đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng - tài chính.	Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành trong bối cảnh kinh tế vĩ mô của nền kinh tế, để từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn trong ngắn hạn/ dài hạn hoặc đưa ra các quyết định tư vấn phù hợp cho các doanh nghiệp ngân hàng và các định chế tài chính đó.	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích
4	Kết hợp tính sáng tạo và tư duy phản biện vào việc lựa chọn linh hoạt các giải pháp tài chính tối ưu, nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp.	be critical and creative scholars who: apply research skills to business challenges	Justify and interpret theoretical propositions and related bodies of knowledge to critically evaluate the resolution of business problems and recommend actions relevant to contemporary business settings.	Nắm vững kiến thức chuyên ngành ngân hàng và tài chính trên cơ sở đó có thể phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề có liên quan. Nắm vững những nguyên tắc, công cụ và phương pháp	Lên kế hoạch và triển khai thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng trong phạm vi công việc đảm nhận	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích

				thực hành trong phân tích, đầu tư, định giá, quản trị rủi ro, và dự báo nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định trong kinh doanh và đầu tư;		
5	Giao tiếp hiệu quả trong các các mối quan hệ trong một nhóm, trong vai trò là một thành viên hay một nhà lãnh đạo để giải quyết các vấn đề nhằm đạt mục tiêu đề ra.	be critical and creative scholars who: communicate effectively and perceptively	Communicate effectively to specialist and non-specialist audiences including multi-disciplinary teams, diverse cultural communities and business and other professional organisations.	Có khả năng giao tiếp, nhanh nhạy trong công việc, nhận diện và xử lý các tình huống chuyên môn, các cơ hội đầu tư. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng trình bày và báo cáo kết quả phân tích.	Giao tiếp tốt Phối hợp, làm việc nhóm, cộng tác chia sẻ để hoàn thành nhiệm vụ	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích
6	Kỹ năng đàm phán, tự chủ và thích ứng với sự thay đổi.		Critically apply cross disciplinary knowledge in decision making with creativity for new contexts. Demonstrate accountability in autonomous and collaborative judgements and	Có khả năng giao tiếp, nhanh nhạy trong công việc, nhận diện và xử lý các tình huống chuyên môn, các cơ hội đầu tư. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng trình bày và báo cáo kết quả phân	Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo Kỹ năng quản lý, lãnh đạo	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích

			innovative strategic thinking in response to contemporary and future professional management challenges.	tích.		
7	Phân tích thông tin dữ liệu của ngành tài chính ngân hàng bằng công nghệ hiện đại, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế số và toàn cầu hoá.	demonstrate a mastery of banking and finance and be able to apply theoretical and practical knowledge and skills in banks and business enterprises.	Demonstrate accountability in autonomous and collaborative judgements and innovative strategic thinking in response to contemporary and future professional management challenges.	Phân tích dữ liệu và quản lý dữ liệu big data trong quản lý và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng.	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác chuyên môn	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích
8	Xây dựng mô hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng dựa trên kiến thức, kỹ thuật và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.	demonstrate a mastery of banking and finance and be able to apply theoretical and practical knowledge and skills in banks and business enterprises.	Plan and execute a substantial research based project or evidence-based capstone experience linked to contemporary sustainable, socially responsible and ethical management practices to generate and evaluate complex ideas and concepts at abstract and practical levels	Vận dụng kỹ năng nghiên cứu vào giải quyết vấn đề khó khăn và thử thách trong kinh doanh ngân hàng. Có kỹ năng hệ thống hóa, mô hình hóa, tương tác, nghiên cứu, phát triển và thực tế hóa những phát kiến ứng dụng cho thực tiễn ngành tài		Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích, riêng ĐH Kinh tế Hà Nội đào tạo chủ yếu cho các vị trí quản lý các doanh nghiệp và định chế tài chính nên chủ yếu về

				chính;		ứng dụng chứ không về nghiên cứu giảng dạy.
9	Tuân thủ pháp luật và các qui định về tài chính, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	have a comprehensive understanding of their discipline and be able to provide discipline-based solutions relevant to the business, professional and public policy communities we serve	Exemplify initiative and leadership in a dynamic 21st century work environment, acting consistently, ethically and socially responsibly.	Thể hiện được giá trị chuẩn mực đạo đức đối với công việc. Có hiểu biết đầy đủ về các nguyên tắc đạo đức, các chuẩn mực và quy tắc nghề nghiệp trong hoạt động tài chính và lĩnh vực đầu tư;	Tôn trọng pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng. Có ý thức trách nhiệm trong công việc, sáng tạo, tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt.	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích
10	Xây dựng thương hiệu bản thân, đồng thời thể hiện sự khát khao khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời	be responsible and effective global citizens who: engage in an internationalised world exhibit cross-cultural competence demonstrate ethical values	Exemplify initiative and leadership in a dynamic 21st century work environment, acting consistently, ethically and socially responsibly.	Có kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện và đánh giá sâu sắc; có trách nhiệm với bản thân, công việc, nghề nghiệp và xã hội.	Có ý thức phát triển nghề nghiệp	Chuẩn đầu ra các trường hầu như tương thích, riêng trường ĐH Monash có lịch sử Monash với hơn 50 năm hình thành và

						phát triển về quy mô là một trong những trường đại học nổi tiếng hàng đầu thế giới chính vì môi trường học tập toàn cầu nên Monash ở chuẩn đầu ra này hướng đến công dân toàn cầu.
--	--	--	--	--	--	--

12.2. Đối sánh chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH MONASH	CTĐT ngành tài chính của Trường ĐH VICTORIA	CTĐT ngành tài chính của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH Kinh tế Hà Nội	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 tín chỉ	96 chỉ	192 chỉ	60 chỉ	64 chỉ	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	15môn/ 60 chỉ	16 môn/ 96 chỉ	13 môn / 192 chỉ	15môn/ 60 chỉ	18- 20 môn/ 64 chỉ	Tổng số tín chỉ của các trường trong nước luôn ít hơn

						các trường quốc tế uy tín
- Học phần chung	02 môn / 06 chỉ: <ul style="list-style-type: none"> • Triết học (Philosophy) • Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính(English for Finance) 	Không	Không	03 môn /10 chỉ <ul style="list-style-type: none"> • Triết học • Tiếng Anh • Phương pháp nghiên cứu khoa học 	02 môn / 08 chỉ: <ul style="list-style-type: none"> • Triết học • Tiếng anh cơ bản 	Các trường trong nước luôn có môn triết học và môn tiếng Anh.
- Học phần cơ sở	Cơ sở ngành và chuyên ngành : 16-18 môn / 4 chỉ <u>Bắt buộc :09 môn/ 26 chỉ</u> <ul style="list-style-type: none"> • Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology) • Lý thuyết tài chính tiền tệ nâng cao (Advanced 	4 môn / 24 chỉ <ul style="list-style-type: none"> • Accounting for business • Financial management theory • Economics • Business statistics 	06 môn/ 72 chỉ <ul style="list-style-type: none"> • Accounting for Management • Business Economics • Marketing Management • Work and Organisation Systems • Business Finance • Business 	Cơ sở ngành và chuyên ngành : 14 môn / 36 chỉ <u>Bắt buộc :06 môn/ 18 chỉ</u> <ul style="list-style-type: none"> • Lý thuyết tài chính • Tài chính doanh nghiệp • Tài chính quốc tế • Sản phẩm tài chính phái 	Cơ sở ngành và chuyên ngành : 16-18 môn / 47 chỉ <u>Bắt buộc :09 môn/ 26 chỉ</u> <ul style="list-style-type: none"> • Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính : lý thuyết và thực tiễn. • Quản trị NH thương mại 	- ngành TCNH trường ĐH Nguyễn Tất Thành đã tập trung mô hình tài chính ứng dụng trong quản lý (bao gồm các môn : PP NC, Tài chính định lượng và mô hình tài chính, rủi ro tài

	Theory of Monetary Finance)		Research Methods	sinh	nâng cao.	chính, đầu tư tài chính..v.v)
- Học phần chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> Quản trị tài chính (Financial Management) Đầu tư tài chính (Financial Investment) Tài chính phái sinh (Derivatives Finance) Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel (Risk management and Basel Accord) Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (Credit risk and loan policy) 	8 môn/48 chi: <ul style="list-style-type: none"> Case studies in banking and finance Institutional asset and liability management Bank lending Options, futures and risk management International banking Financial institutions and markets Portfolio management and theory Financial modelling 	7 môn /84 chi: <ul style="list-style-type: none"> Financial Analysis Credit and Lending Management Financial Derivative Markets Treasury Risk Management International Financial Management International Portfolio Management Business Ethics and Sustainability 	<ul style="list-style-type: none"> Quản trị rủi ro tài chính Đầu tư tài chính <p><u>Tự chọn nhóm 1 (chọn 6 trong 9: 6 x 2 = 12 chỉ):</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích tài chính Định giá doanh nghiệp Tài chính hành vi Thị trường tài chính quốc tế Đầu tư và tài trợ bất động sản Tài chính công ty đa quốc gia 	<ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng quốc tế nâng cao. Tài chính cá nhân. Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư. Tài chính doanh nghiệp nâng cao. Tài chính công nâng cao Thiết kế nghiên cứu luận văn. Thực tập thực tế <p><u>Tự chọn : 7- 9môn/ 21 tín chỉ.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Quản trị tài 	đã từng bước bắt vận dụng mô hình tài chính trong quản trị rủi ro và quản lý hệ thống của các trường quốc tế có uy tín.

	<ul style="list-style-type: none"> • Tài chính công nâng cao (Advanced public finance) • Ngân hàng thương mại hiện đại (Modern commercial banking) <p><u>Tự chọn (chọn 6 trong 10: 6 x 3 = 18 chỉ):</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tài chính định lượng (Quantitative finance) • Mô hình tài chính (Financial Modeling) • Quản trị và phân tích dự án (Management and project 			<ul style="list-style-type: none"> • Mua bán, sáp nhập và thoái vốn • Quản trị danh mục đầu tư • Tài chính định lượng. <p><u>Tự chọn nhóm 2 (chọn 2 trong 4: 2 x 3 = 6 chỉ):</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều hành công ty cổ phần đại chúng • Chứng khoán có thu nhập cố định • Công nghệ tài chính • Law and Financial Regulation 	<p>chính ngắn hạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân tích đầu tư bất động sản. • Phân tích tài chính nâng cao. • Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính. • Tài chính phát triển. • Tài chính doanh nghiệp quốc tế. • Thuế quốc tế. • Giám sát hệ thống tài chính. • Các công cụ có thu nhập 	
--	---	--	--	--	--	--

	<p>analysis)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tài chính quốc tế (International financial) • Tài chính vi mô (Micro Finance) • Luật kinh tế (Economic Law) • Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal auditing and control) • Tài chính hành vi (Behavioral Finance) • Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Fintech in banking) • Ngân hàng kỹ 				<p>cố định.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các công cụ phái sinh. • Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao. • Kế toán quản trị nâng cao • Kế toán tài chính nâng cao. • Ngân hàng điện tử. • Dịch vụ ngân hàng ưu tiên. • Quản trị chiến lược nâng cao. • Kinh tế học quản lý 	
--	--	--	--	--	---	--

	thuật số (Digital Banking)				
- Luận văn	Luận văn : 10 chỉ	<p>Nghiên cứu ứng dụng: tự chọn 4 môn/24 chỉ:</p> <p>Financial statement analysis and business valuation</p> <p>Introduction to financial accounting</p> <p>Management accounting</p> <p>Climate change and carbon management strategies</p> <p>Financial planning</p> <p>Credit risk modelling</p> <p>Case studies in risk management</p> <p>Global financial markets</p> <p>Funds management</p> <p>Mergers and acquisitions</p>	<p>36 chỉ:</p> <p>Business Research Proposal (12 chỉ).</p> <p><u>Plan A : 24 chỉ</u></p> <p>- 1 môn Tự chọn (12 chỉ)</p> <p>- Business Research Project (12 chỉ)</p> <p><u>Plan B : 24 chỉ</u></p> <p>Business Research Thesis (24 chỉ)</p>	Luận văn : 14 chỉ	Luận văn : 15 chỉ

		<p>Introduction to risk management</p> <p>Risk financing and treasury management</p> <p>Treasury and financial markets</p> <p>International study program in banking and finance</p>				
Phương pháp giảng dạy/học tập	Lý thuyết, thực hành, đề án nghiên cứu ứng dụng môn học (project) và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và đề án nghiên cứu ứng dụng (project)	Lý thuyết, thực hành, đề án nghiên cứu ứng dụng (project) và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và khoá luận	
Học phí		<i>Khoảng \$45 000/năm (2 năm toàn thời gian hoặc quy đổi)</i>	<i>Khoảng \$44,700 - \$46,080/năm (2 năm toàn thời gian hoặc quy đổi)</i>	<i>Khoảng 60 triệu/ khoá</i>	<i>14-29.4 tr/năm (khóa học 02 năm)</i>	
Các đối sánh khác (nếu có)						

16. Tầm nhìn và sứ mạng

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là một trường đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển trong và ngoài nước, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Sứ mạng

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cam kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

Các giá trị cốt lõi

- Đoàn kết (một tập thể thống nhất hoạt động vì mục tiêu chung)
- Hội nhập (với chuẩn trong nước, khu vực, và thế giới);
- Năng động (trong học tập, nghiên cứu, và làm việc);
- Trí tuệ (với tâm trong, trí sáng, xử trí mọi vấn đề thông minh);
- Trách nhiệm (với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội, và quốc tế).

Mục tiêu

Trường ĐH NTT theo định hướng ứng dụng và thực hành, đáp ứng nhu cầu giáo dục đại chúng thông qua việc tạo lập một môi trường học tập tích cực và trải nghiệm thực tiễn cho mọi SV, trang bị cho người học năng lực tự học, tinh thần sáng tạo khởi nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, hội nhập khu vực và toàn cầu.

Triết lý giáo dục

Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp.

Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp”. Nhà trường tin rằng: “Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phục vụ cộng đồng. Việc trải nghiệm trong môi trường thực tiễn giúp người học khám phá kiến thức, phát triển kỹ năng, định hướng tương lai, hình thành mong muốn đóng góp cho cộng đồng và tạo dựng uy tín cá nhân bằng sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp”.

Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Tài chính Kế toán

Tầm nhìn

Đến năm 2025, Khoa Tài Chính-Kế Toán - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành sẽ trở thành một trong những Khoa đào tạo hàng đầu về ngành Tài chính, Ngân hàng và Kế toán theo hướng ứng dụng thực hành, đạt các chuẩn theo bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời đạt theo chuẩn của AUN - QA.

Sứ mệnh

Khoa Tài Chính kế Toán, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cam kết thúc đẩy sự phát triển về kinh tế và môi trường kinh doanh tại TP.HCM và Việt Nam thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng dựa trên sự liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức hiệp hội có liên quan với ngành tài chính, kế toán và kiểm toán nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

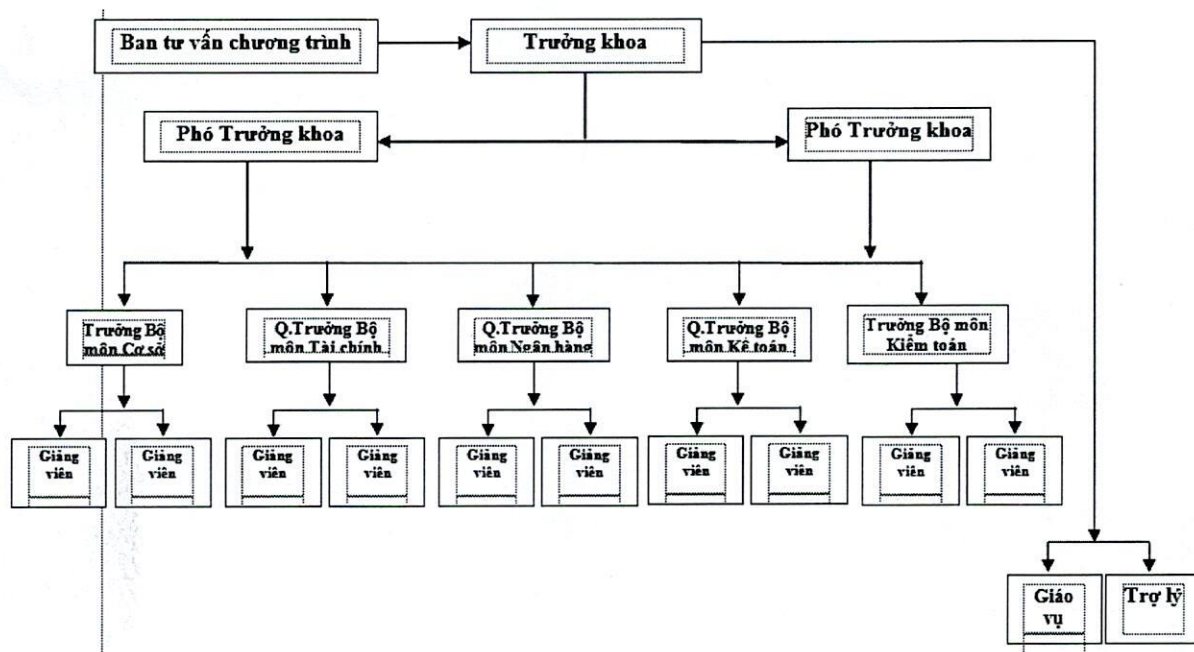
Chiến lược

- Rà soát, cải tiến, kiểm định các chương trình đào tạo bậc đại học theo tiêu chuẩn AUN, FIBAA và theo tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khoa cam kết sẽ kết nối với các Doanh nghiệp nhằm đảm bảo 90% sinh viên ra trường có việc làm.
- Phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học cho giảng viên thông qua việc tham gia vào các công trình nghiên cứu cấp cơ sở, cấp nhà nước và tạp chí thế giới.
- Tăng cường sự tham gia cho sinh viên và giảng viên vào các hoạt động cộng đồng trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi

Khoa Tài chính – Kế toán thực hiện các giá trị cốt lõi theo định hướng phát triển của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, trở thành Khoa đào tạo mang giá trị “Đẳng cấp - Hội nhập – Năng động – Trí tuệ - Trách nhiệm”.

17. Sơ đồ tổ chức Khoa



18. Thông tin liên hệ

Khoa Tài chính Kế toán – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Địa chỉ: Phòng L.101, Lầu 1, 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19002039 (Nội bộ: 412)

Email: tckt@ntt.edu.vn

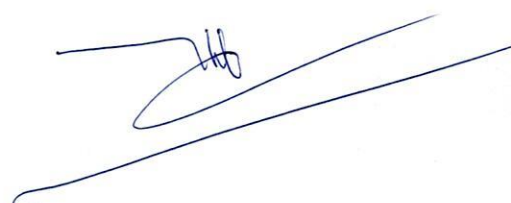
Website: <http://tckt.ntt.edu.vn/>
<http://ffa.ntt.edu.vn/>

19. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo

Chương trình được thực hiện theo PDCA. Chương trình sẽ được kiểm tra, cập nhật và cải tiến liên tục trong quá trình đào tạo. Hằng năm, chương trình sẽ được tiến hành rà soát và cải tiến chương trình một lần.

HIỆU TRƯỞNG *th*
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ái Cầm
 TS. Trần Ái Cầm

TRƯỞNG KHOA

 TS. THÁI HỒNG THỤY KHÁNH